| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ K**<br>**TỈNH H** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đặng Đức Huấn.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Hoàng Văn Ngọc.
2. Bà Nguyễn Thị Lựu.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hương-Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Trà M1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Khu dân cư N, phường T, thị xã K, tỉnh H.

*Bị đơn*: Anh Lương Đắc T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu dân cư A1, phường A, thị xã K, tỉnh H.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Đắc T1 vào ngày 19/11/2021 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã K. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên rượu chè, mỗi lần uống rượu về nhà là anh T1 kiếm chuyện để chửi mắng và có thời điểm còn đánh chị. Ngoài ra, anh T1 còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần nhắc nhở và anh T1 đã nhiều lần xin lỗi nhưng vẫn

không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu dân cư Cao Sơn, phường T, thị xã K sống ly thân với anh T1 từ tháng 7/2022 đến nay. Trong thời gian chị ở đây, có lần anh T1 đến gây rối, chửi mắng chị trước sự chứng kiến của bố đẻ chị. Gia đình chị đã phải báo chính quyền địa phương xuống để can thiệp, xử lý. Hành vi gây rối của anh T1 đã bị chính quyền địa phương lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con là Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2023, bị đơn trình bày*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị M1 trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Sự việc mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Anh nhiều lần liên lạc với chị M1 để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều không đi đến kết quả. Đến nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị M1.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 01 con là Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị M1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện anh đang làm nghề lao động tự do, mức thu nhập bình quân là 20.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2023, UBND phường A cung cấp*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Trà M1 và anh Lương Đắc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A vào ngày 19/11/2021. Sau ngày cưới, chị M1 thi thoảng có về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống, hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tu chí làm ăn, bất đồng trong việc phát triển kinh tế, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Hiện anh chị đang sống ly thân nhau. Nay chị M1 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T1, địa phương xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Quan hệ về con chung: Chị M1, anh T1 có 01 con là Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022. Trường hợp anh chị ly hôn do con chung còn nhỏ, dưới 03 tuổi nên đề nghị Tòa án giao con cho chị M1 nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M1. Xử cho chị M1 ly hôn anh T1; về con chung: Giao cho chị Phan Thị Trà M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M1 về việc không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Quan hệ hôn nhân*: Chị M1 kết hôn với anh T1 vào ngày 19/11/2021 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M1 thi thoảng về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tu chí làm ăn, bất đồng trong việc phát triển kinh tế và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Chị M1, anh T1 hiện đang sống ly thân. Tại lời khai, anh T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M1. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị M1, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị M1 được ly hôn anh T1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị M1, anh T1 có 01 con là Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022. Nay chị M1, anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị M1, anh T1 đều chính đáng nhưng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét sau khi vợ chồng ly thân, cháu Lương Tâm A2 do chị M1 trực tiếp nuôi dưỡng, khôn lớn, phát triển bình thường; tại thời điểm xét xử, cháu Tâm Anh dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Lương Tâm A2 cho chị M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M1 về việc không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Trà M1. Xử cho chị Phan Thị Trà M1 ly hôn anh Lương Đắc T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phan Thị Trà M1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lương Tâm A2, sinh ngày 12/4/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Trà M1 về việc không yêu cầu anh Lương Đắc T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Lương Đắc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Trà M1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo Biên lai số AA/2021/0004484 ngày 24/5/2023. Chị Phan Thị Trà M1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/9/2023./.

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đặng Đức Huấn**